

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 10/2024/DS - ST
Ngày 28 - 6 - 2024
v/v "Tranh chấp hợp vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Phương Linh và bà Ksor H'Qúa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2024/TLST – DS, ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Viết L**, sinh năm 1966. Có mặt.

Nơi cư trú: **Số D, đường H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.**

- Bị đơn: Ông **Ksor P**, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Bà **Ksor H**, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Cùng cư trú: **Buôn I, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn ông **Trần Viết L** trình bày:

Vào ngày 06 tháng 7 năm 2020 tôi có cho hai vợ chồng ông **Ksor P** và bà **Ksor H** vay số tiền 75.300.000 đồng để ông bà **Ksor P** và **Ksor H** đầu tư trồng vụ mỳ mùa

2020-2021, lãi suất thỏa thuận 1,6%/tháng. Ông bà Ksor P và Ksor H hẹn đến tháng 02/2021 thu hoạch mỳ sẽ trả đủ cả gốc và lãi. Nhưng đến nay vẫn chưa trả cho tôi một đồng nào mặc dù tôi đã đi đòi nhiều lần.

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Pa buộc ông Ksor P và bà Ksor H liên đới phải trả cho tôi nợ gốc là 75.300.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng), và lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày vay 06/7/2020 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa ông L thay đổi quan điểm tính lãi là chỉ yêu cầu Tòa án tính lãi theo thỏa thuận giữa hai bên đã ký kết là 1,6%/tháng.

2. Bị đơn ông Ksor P và bà Ksor H đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng cố tình trốn tránh, không có mặt. Nên không có bản tự khai, trình bày hay ý kiến gì.

3. Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án.

Phần nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm là: Ngày 06/7/2020 ông L có cho hai vợ chồng ông Ksor P và bà Ksor H vay số tiền 75.300.000 đồng để đầu tư trồng mỳ niên vụ năm 2020-2021, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,6%/tháng, hẹn đến tháng 02/2021 thu hoạch mỳ sẽ trả đủ cả gốc và lãi. Khi đến hẹn mặc dù ông L đã yêu cầu nhiều lần, nhưng ông P, bà H không có thiện chí trả nợ cho ông L. Nay ông L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Pa buộc ông P, bà H liên đới trả số tiền nợ gốc là 75.300.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông P, bà H: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng họp lệ nhưng bà T không có mặt và cũng không có bất cứ lời khai nào để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do vậy không có cơ sở để xem xét.

Căn cứ vào chứng cứ, các lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án khẳng định giữa ông L và ông P, bà H có xác lập hợp đồng vay tài sản bằng văn bản, cụ thể là giấy vay tiền có nội dung là “Nay vì điều kiện khó khăn vợ chồng tôi có vay của ông Trần Việt L số tiền 75.300.000 đồng, lãi suất 1,6%, vay tiền để đầu tư mỳ vụ mùa năm 2020-2021, hẹn tháng 2/2021 thu hoạch mỳ trả đủ cả gốc và lãi, nếu sai vợ chồng tôi xin chịu hoàn toàn trước pháp luật. vợ chồng tôi có thể chấp 01 bìa đồ đất rẫy mang số CC 636798, người vay tiền ghi họ và tên Ksor P, vợ H điếm chỉ”. Như vậy, việc ông P, bà H xác lập giao dịch dân sự với ông L là có

thật, các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản, có thỏa thuận về thời hạn trả nợ và lãi suất thỏa thuận là 1,6%/ tháng.

Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự. Do ông P, bà H vi phạm về nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Cho nên ông L khởi kiện yêu cầu ông P, bà H trả nợ số tiền nợ gốc là 75.300.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 BLTTDS,
- Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 289, 463, 466, 470 của BLDS,
- Áp dụng khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTWQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Viết L buộc bị đơn ông Ksor P, bà Ksor H liên trả số tiền nợ gốc là 75.300.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận.

Về án phí: Ông P và bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án đã tạm nộp trước đây cho ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và nguyên đơn ông Trần Viết L khởi kiện bị đơn ông Ksor P, bà Ksor H có nơi cư trú tại xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Krông Pa thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng

Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp hợp lệ các văn bản tố tụng như: giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa,...đến lần thứ hai cho bị đơn ông Ksor P và bà Ksor H nhưng ông P và bà H không đến tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc bị đơn nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên tòa là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng

minh của mình và còn gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để quyết định. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án

Về tiền nợ gốc: Căn cứ vào chứng cứ là “Giấy vay tiền” được lập ngày 06/7/2020 có chữ ký của ông **Ksor P** và bà **Ksor H**, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có cơ sở để khẳng định ông **Ksor P** và bà **Ksor H** đã biết và thỏa thuận xác lập một hợp đồng vay tài sản số tiền là 75.300.000 đồng của ông **L**. Ông **Ksor P** và bà **Ksor H** hẹn trả nợ cho ông **L** vào tháng 02/2021 nhưng đến nay vẫn chưa trả cho ông **L**. Nguyên đơn và bị đơn không không phản đối tình tiết này vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX công nhận tình tiết này là sự thật.

Xét hợp đồng trên là một hợp đồng dân sự được giao kết hợp pháp, nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Khi đến thời hạn trả nợ cho ông **L** nhưng ông **Ksor P** và bà **Ksor H** không thực hiện việc trả tiền cho ông **L** (mặc dù ông **L** đã thông báo và đến đòi nhiều lần) là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết được quy định tại các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 351, 357 của Bộ luật dân sự 2015. Nên việc khởi kiện của nguyên đơn ông **L** là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Tại thời điểm vay tiền ngày 06/7/2020 thì trong giấy vay tiền của ông **Ksor P**, bà **Ksor H** với ông **Trần Viết L** có ghi thời hạn trả nợ và ghi thỏa thuận tính lãi 1,6%/tháng. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng thì nguyên đơn ông **L** yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay 06/7/2020 đến ngày giải quyết xong vụ án, tại phiên tòa ông **L** thay đổi mức lãi suất là đồng ý theo thỏa thuận 1,6%/tháng là phù hợp nên cần được chấp nhận. Đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi, nên tiền lãi được tính là $75.300.000 \text{ đồng} \times 1,6\% : 30 \times 1.452 \text{ ngày} = 58.312.320 \text{ đồng}$ (Năm mươi tám triệu ba trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 75.300.000 đồng (tiền nợ gốc) + 58.312.320 đồng (tiền lãi) = 133.612.320 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu sáu trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Từ đánh giá và nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Viết L** buộc bị đơn ông **Ksor P** và bà **Ksor H** phải có nghĩa vụ

liên đới trả cho nguyên đơn ông **L** 75.300.000 đồng (tiền nợ gốc) + 58.312.320 đồng (tiền lãi) = 133.612.320 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu sáu trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Tại thời điểm ông **Trần Viết L** cho ông **Ksor P**, bà **Ksor H** vay tiền thì ông **P**, bà **H** có thể chấp (không có hợp đồng thế chấp nên đây thuộc dạng gửi giữ làm tin) bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 636798 được Ủy ban nhân dân huyện **K**, tỉnh Gia Lai cấp cho ông **Nay N**, bà **Ksor H1** ngày 26/9/2017 (được tặng cho ông **Ksor P**, bà **Ksor H** ngày 14/11/2018) để vay tiền. Tại phiên tòa thì ông **L** đồng ý ngay sau khi bị đơn ông **Ksor P**, bà **Ksor H** trả nợ xong thì ông **L** sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông **P**, bà **H** là phù hợp. Nay HĐXX ghi nhận và buộc ông **L** phải thực hiện.

[4] Về án phí

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông **L** được chấp nhận nên bị đơn ông **Ksor P**, bà **Ksor H** phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông **L** toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 40; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 351, 357, 430, 440, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự 2015,

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về tiền nợ: Buộc bị đơn ông **Ksor P**, bà **Ksor H** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông **Trần Viết L** 75.300.000 đồng (tiền nợ gốc) + 58.312.320 đồng (tiền lãi) = 133.612.320 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu sáu trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Ông **Trần Viết L** phải có nghĩa vụ trả cho ông **Ksor P**, bà **Ksor H** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 636798 được Ủy ban nhân dân huyện **K**, tỉnh Gia Lai cấp cho ông **Nay N**, bà **Ksor H1** ngày 26/9/2017 (được tặng cho ông **Ksor P**, bà **Ksor**

H ngày 14/11/2018) ngay sau khi bị đơn ông Ksor P, bà Ksor H trả nợ xong khoản nợ 133.612.320 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu sáu trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi đồng) cho ông Trần Viết L.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Ksor P, bà Ksor H phải có nghĩa vụ liên đới nộp 133.612.320 đồng x 5% = 6.680.616 đồng (Sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn sáu trăm mười sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Trần Viết L toàn bộ số tiền đã tạm nộp án phí trước đây là 3.418.575 đồng (Ba triệu bốn trăm mười tám nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0004172 ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn ông Trần Viết L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/6/2024), còn bị đơn ông Ksor P, bà Ksor H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân t. Gia lai;
- VKSND h. Krông Pa;
- Chi cục THADS h. Krông Pa;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn

